

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/ HNGĐ-PT

Ngày 13/4/2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đăng Huân

Các Thẩm phán: Ông Trương Thành Trung và bà Mai Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2022/TLPT- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2021/HNGĐ - ST ngày 28/09/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2022/QĐPT- HN&GD ngày 06/01/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **Trần Xuân T**, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký nhân khẩu: Thôn Bộ L, xã Vũ V, huyện Vũ T, tỉnh Thái B; Nơi cư trú hiện nay: Thôn Yên V, xã Kim C, huyện Hoài Đ, TP. Hà Nội (Có mặt).

* *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1975;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 201 - D12 Phố Quỳnh M, phường Quỳnh M, quận HBT, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú hiện nay: Số 403 - E1 khu tập thể 8/3, phường Quỳnh M, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 30/10/2012, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Xuân T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh M, quận HBT, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại số 403 - E1 khu tập thể 8/3, phường Quỳnh M, quận HBT, thành phố Hà Nội (thuê nhà). Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh

phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải để Chị H và anh T đoàn tụ nhưng không thành. Chị H và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên anh T làm đơn xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và Chị H có 02 con chung là Trần Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/6/2013 và Trần Hà M, sinh ngày 31/7/2015. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh đồng ý với nguyện vọng của Chị H nuôi cả hai con. Trường hợp Chị H không có nguyện vọng nuôi con thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Thu nhập của anh không ổn định, nếu Chị H nuôi cả hai con thì anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con. Hiện nay anh đã nghỉ việc không có lương, không có thu nhập.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, hoàn cảnh, điều kiện đúng như anh T trình bày. Quá trình vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn xảy ra, nhưng từ tháng 07 năm 2020 cho đến nay anh T không về nhà, thỉnh thoảng anh chỉ về thăm con một hôm xong rồi lại đi. Theo chị thì vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng, em chồng với chị. Mẹ chồng, em chồng cũng muốn Chị H sinh thêm con vì mong muốn có cháu trai nên đã xúc phạm chị chỉ vì chị không sinh được con trai. Anh T muốn chị sinh thêm một con nữa, mong sinh con trai vì đã sinh được 2 con gái, nhưng chị không đồng ý vì kinh tế vợ chồng hiện khó khăn, chờ khi nào thuận lợi có điều kiện thì vợ chồng sinh thêm con. Nhưng anh T không đồng ý và tạo ra các mâu thuẫn trong gia đình và tự bỏ nhà đi ở chỗ khác từ tháng 07 năm 2020 đến nay không nói lý do gì thỉnh thoảng có về nhà thăm các con xong lại đi, Chị H đã trực tiếp thuyết phục anh T về đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dạy các con, nhưng anh T không đồng ý vợ chồng sống ly thân, nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải để anh T suy nghĩ lại, vợ chồng quay về sống cùng nhau nuôi dạy các con anh T xin ly hôn chỉ do áp lực phía gia đình nhà chồng, chứ thực sự tình cảm vợ chồng không có gì mâu thuẫn căng thẳng gay gắt đến mức độ phải ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/6/2013 và Trần Hà M, sinh ngày 31/7/2015. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Nếu trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hyêu cầu anh T cấp dưỡng 10.000.000 đồng/02 con/ 01 tháng. Nếu anh T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền trên thì chị đề anh T nuôi cả hai

con và chị cũng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con. Hiện tại chị đang thất nghiệp nên không có thu nhập gì.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 38/2021/HNGĐ-ST, ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội đã căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Xuân T đối với chị Nguyễn Thị Thanh H. Anh Trần Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/6/2013 và Trần Hà M, sinh ngày 31/7/2015. Ly hôn giao cháu Trần Nguyễn Hà My cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu Trần Hà M cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, không ai được cản trở.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Anh chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 38/2021/HNGĐ-ST, ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội, ngày 06/10/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm Chị H giữ nguyên nội dung kháng cáo: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm xử chấp nhận đề nghị tòa án phúc thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của anh T để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con chung trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo đúng quy định của

pháp luật kể từ khi thụ lý đến xét xử vụ án. Việc kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H đảm bảo đúng thời hạn quy định. Căn cứ Điều 27 Luật Viện kiểm sát nhân dân; Điều 37, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Xuân T, không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, Chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Xuân T trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Xét về yêu cầu kháng cáo của Chị H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Xuân T đối với chị Nguyễn Thị Thanh H. Anh Trần Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên đương sự và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như tài liệu do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Anh Trần Xuân T và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn hợp pháp tự nguyện, quá trình chung sống hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì gay gắt trầm trọng dẫn đến mức độ phải ly hôn. Lý do ly hôn anh T xin ly hôn chưa thỏa đáng phù hợp với thực tế tình trạng hôn nhân của vợ chồng và phù hợp pháp luật. Do còn nặng về nhận thức phân biệt trai, gái, muốn Chị H phải sinh thêm con thứ ba, với mục đích là muốn có con trai để nối dõi tông đường. Thực tế vợ chồng đã sinh được 02 người con là cháu Trần Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/6/2013 và Trần Hà M, sinh ngày 31/7/2015. Hoàn cảnh kinh tế, thu nhập của vợ chồng còn khó khăn chưa thể có điều kiện để sinh thêm con thứ ba như mong muốn của anh T cũng như phía gia đình nhà chồng ngay được, khi nào sau này thuận lợi có điều kiện sẽ sinh thêm con cũng chưa muộn. Nhưng anh T đã bỏ nhà đi ở nơi khác, thỉnh thoảng vẫn về thăm con chung. Từ khi anh T bỏ nhà đi ở nơi khác, các con chung vẫn do Chị H chăm sóc nuôi dưỡng, khỏe mạnh, học tập bình thường. Nguyên vọng các con chung mong muốn bố mẹ đoàn tụ gia đình, không muốn có sự thay đổi xáo trộn cuộc sống hiện nay, ảnh hưởng đến việc học tập của các con. Tại phiên tòa Chị H khẳng định anh T là người chồng tốt, do áp lực phía gia đình nhà chồng nên có đơn xin ly hôn và tha thiết mong muốn anh T suy nghĩ lại, về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung. Cần có thời gian để anh T suy nghĩ trở về đoàn tụ chung sống lâu

dài, nuôi dạy con chung, xét yêu cầu kháng cáo của Chị H theo quy định của pháp luật HĐXX cần chấp nhận, cần thiết sửa Bản án số 38/2021/HNGĐ-ST, ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H được chấp nhận, nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H là bị đơn, sửa bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Xuân T với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0011859 ngày 07/10/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa sơ thẩm.
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận HBT.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Đăng Huấn

